

| STT | Chủ đề/<br>Chương                                              | Nội dung/Đơn<br>vị kiến thức                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mức độ đánh giá |      |             |             |            |             |              |          |             |         |      |             | Tổng |      |             | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|-----|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------|-------------|-------------|------------|-------------|--------------|----------|-------------|---------|------|-------------|------|------|-------------|--------------------|
|     |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | TNKQ            |      |             |             |            |             |              |          |             | Tự luận |      |             |      |      |             |                    |
|     |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Nhiều lựa chọn  |      |             | “Đúng -sai” |            |             | Trả lời ngắn |          |             |         |      |             |      |      |             |                    |
|     |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Biết            | Hiểu | Vận<br>dụng | Biết        | Hiểu       | Vận<br>dụng | Biết         | Hiểu     | Vận<br>dụng | Biết    | Hiểu | Vận<br>dụng | Biết | Hiểu | Vận<br>dụng |                    |
| 1   | Hàm số<br>lượng<br>giác và<br>phương<br>trình<br>lượng<br>giác | Góc lượng giác.<br>Số đo của góc<br>lượng giác.<br>Đường tròn<br>lượng giác. Giá<br>trị lượng giác<br>của góc lượng<br>giác. Quan hệ<br>giữa các giá trị<br>lượng giác. Các<br>phép biến đổi<br>lượng giác<br>(công thức<br>cộng; công thức<br>nhân đôi; công<br>thức biến đổi<br>tích thành tổng;<br>công thức biến<br>đổi tổng thành<br>tích) | C1<br>C2<br>C3  |      |             |             |            |             |              | C1<br>C2 |             |         |      |             | 3    | 2    |             | 17,5               |
|     |                                                                | Hàm số lượng<br>giác và đồ thị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | C4<br>C5        |      |             | C1a<br>C1b  | C1c<br>C1d |             |              |          |             |         |      |             | 4    | 2    |             | 15,0               |
|     |                                                                | Phương trình<br>lượng giác cơ<br>bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | C6<br>C7        |      |             |             |            |             |              |          |             |         | C2   | 2           |      | 1    | 15,0        |                    |
| 2   | Dãy số -<br>Cấp số                                             | Dãy số. <i>Dãy số<br/>tăng, dãy số<br/>giảm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | C8<br>C9<br>C10 |      |             |             |            |             |              | C2       |             |         |      |             | 3    | 1    |             | 12,5               |

|              |                            |                                                                                                    |     |   |   |            |            |   |     |    |  |     |   |    |     |     |     |      |
|--------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|---|------------|------------|---|-----|----|--|-----|---|----|-----|-----|-----|------|
|              | cộng và cấp số nhân        | <i>Cấp số cộng. Số hạng tổng quát của cấp số cộng. Tổng của n số hạng đầu tiên của cấp số cộng</i> | C11 |   |   | C2a<br>C2b | C2c<br>C2d |   |     |    |  |     |   |    | 3   | 2   |     | 12,5 |
|              |                            | <i>Cấp số nhân. Số hạng tổng quát của cấp số nhân. Tổng của n số hạng đầu tiên của cấp số nhân</i> | C12 |   |   |            |            |   |     | C3 |  |     |   | C3 | 1   | 1   | 1   | 17,5 |
| 3            | Phân tích và xử lý dữ liệu | <i>Các số đặc trưng của mẫu số liệu ghép nhóm</i>                                                  |     |   |   |            |            |   |     |    |  |     |   | C1 |     |     |     | 10,0 |
| Tổng số câu  |                            |                                                                                                    | 12  | 0 | 0 | 4          | 4          | 0 | 0   | 4  |  | 0   | 0 | 3  | 16  | 8   | 3   |      |
|              |                            |                                                                                                    | 12  |   |   | 8          |            |   | 4   |    |  | 3   |   |    |     |     |     |      |
| Tổng số điểm |                            |                                                                                                    | 3,0 |   |   | 20         |            |   | 2,0 |    |  | 3,0 |   |    | 4,0 | 3,0 | 3,0 | 10,0 |
| Tỉ lệ %      |                            |                                                                                                    | 30  |   |   | 20         |            |   | 20  |    |  | 30  |   |    | 40  | 30  | 30  | 100  |